



# Bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên gắn với phát triển bền vững

LƯƠNG THỊ TUẤT, LA THẾ PHÚC

*Viện Nghiên cứu địa chất và khoáng sản ứng dụng*

PHẠM THỊ TRÂM

*Viện Địa lý nhân văn, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam*

VŨ TIẾN ĐỨC

*Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam*

Trái đất là Ngôi nhà chung của muôn loài. Trong ngôi nhà chung đó, mỗi loài và tập hợp loài qua quá trình phát triển đã thích ứng với các đặc điểm địa chất, địa lý tự nhiên và hệ sinh vật khác nhau của từng khu vực, tạo nên những hệ sinh thái đặc thù. Ngôi nhà chung này chứa đựng các di sản thiên nhiên - là những thực thể vật chất phản ánh đặc tính tiêu biểu của môi trường thiên nhiên, lịch sử hình thành, tương tác và biến đổi của môi trường thiên nhiên. Nguồn tài nguyên di sản thiên nhiên bao gồm tài nguyên di sản địa chất và tài nguyên sinh vật, chúng chứa đựng đầy đủ các giá trị về khoa học, thẩm mỹ và kinh tế. Do đó, BVMT di sản thiên nhiên đồng nghĩa với bảo vệ và cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường sống, bảo vệ sự tồn vong của loài người và muôn loài đang chung sống trong Ngôi nhà chung Trái đất.

## 1. BẢO TỒN DI SẢN THIÊN NHIÊN TRÊN THẾ GIỚI

Theo dòng lịch sử, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, các ngành công nghiệp và quá trình đô thị hóa... làm cho nhu cầu khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên không ngừng tăng cao, cùng với sự phát triển ngày càng tăng của dân số thế giới đã dần dần làm mất cân bằng của môi trường tự nhiên cùng các hệ sinh thái của Trái đất, làm gia tăng mức độ và kèm theo đó là tác hại của các tai biến thiên nhiên, đe dọa môi trường sống của muôn loài. Thực tế đó đã làm cho con người càng ngày càng nhận thức sâu sắc về vai trò của môi trường thiên nhiên, di sản thiên nhiên vì đó chính là sinh cảnh không thể thay thế và phải được bảo vệ để đảm bảo cho sự sống của muôn loài, bảo tồn đa dạng sinh học, các nền văn hóa bản địa, trong đó có những bộ lạc đang bị đe dọa tuyệt chủng, các địa điểm tâm linh và di sản văn hóa, đồng thời duy trì nguồn tài nguyên thiên nhiên đảm bảo cho phát triển bền vững. Bảo tồn môi trường di sản thiên nhiên giúp bảo vệ được nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá cho các thế hệ tương lai, giảm thiểu tác động tiêu cực trước mắt và lâu dài của biến đổi khí hậu toàn cầu, cung cấp các lợi ích kinh tế nhờ nâng cao dân trí, gia tăng cơ hội nghề nghiệp, giúp xóa đói giảm nghèo thông qua phát triển các hình thức du lịch địa chất, sinh thái, tâm linh..., gián tiếp làm giảm các căng thẳng, xung đột biên giới.

Năm 1872, Khu bảo tồn thiên nhiên đầu tiên trên thế giới là Công viên Quốc gia Yellowstone (Yellowstone

National Park) được thành lập ở Mỹ, nhằm bảo vệ, bảo tồn và khai thác các giá trị di sản tự nhiên thông qua một bộ máy quản lý đặc thù với cơ chế thích hợp. Kể từ khi khu bảo tồn thiên nhiên đầu tiên trên thế giới được thành lập, đến nay đã hơn 150 năm, nhận thức về tầm quan trọng của BVMT di sản thiên nhiên không ngừng được nâng cao và đã lan rộng trên toàn thế giới, các mô hình/khu bảo tồn di sản thiên nhiên ở cấp độ khác nhau không ngừng phát triển mạnh mẽ, tổng diện tích khu vực được bảo tồn trên thế giới ngày càng tăng, nhất là ở các nước phát triển như Mỹ, Canada, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và các nước châu Âu.

Năm 1945, Tổ chức Văn hóa, Khoa học và Giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO) được thành lập là một bước tiến mạnh mẽ thúc đẩy việc bảo tồn các di sản thiên nhiên và văn hóa trên toàn thế giới, hỗ trợ quốc gia thành viên thành lập và bảo vệ di sản thiên nhiên, di sản văn hóa, thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, góp phần thúc đẩy và bảo vệ nền hòa bình thế giới. Tính đến tháng 2/2024, UNESCO có 195 quốc gia thành viên và 12 thành viên liên kết; 1.199 di sản thế giới, thuộc 168 quốc gia, trong đó có 933 di sản văn hóa, 227 di sản thiên nhiên và 48 di sản thế giới liên quốc gia; 748 khu dự trữ sinh quyển thuộc 134 quốc gia; 213 CVĐC Toàn cầu UNESCO thuộc 48 quốc gia; 730 yếu tố di sản văn hóa phi vật thể thuộc 145 quốc gia.

Riêng về lĩnh vực CVĐC, năm 2000, các nước châu Âu đã đi tiên phong trong việc thành lập Mạng lưới CVĐC châu Âu (EGN). Năm 2004, Mạng lưới CVĐC Toàn cầu (GGN) được thành lập dưới sự bảo trợ của UNESCO, ban đầu với sự tham gia của 17 CVĐC thuộc EGN và 8 CVĐC Quốc gia của Trung Quốc. Năm 2015, GGN trở thành tổ chức chính thức của UNESCO với tên gọi Mạng lưới CVĐC Toàn cầu UNESCO (UGGN). Tính hiệu quả của hoạt động bảo tồn và phát triển của các CVĐC chính là yếu tố thúc đẩy mô hình CVĐC phát triển mạnh mẽ và lan ra khắp các châu lục trên toàn thế giới. Mạng lưới CVĐC châu Á - Thái Bình Dương (APGN) được khởi xướng thành lập tại Malaixia vào năm 2007 và chính thức trở thành Mạng lưới CVĐC khu vực của GGN vào năm 2013. Mạng lưới CVĐC Toàn cầu Mỹ La tinh và Caribe (GEOLAC) được thành lập năm 2017, hiện có 13 CVĐC thành viên UGGN và đang được UNESCO xếp vào diện ưu tiên phát triển.



Ngoài ra, Mạng lưới CVĐC Toàn cầu UNESCO châu Phi (AUGGN) được thành lập năm 2019 và chỉ có 2 CVĐC thành viên UGNN, thuộc 2 quốc gia là Morocco và Tanzania, hiện AUGGN cũng đang được UNESCO xếp vào diện ưu tiên phát triển. Khu vực Bắc Mỹ, duy nhất chỉ có Mạng lưới CVĐC quốc gia của Canada (CGN) với 5 CVĐC tham gia. Riêng Mỹ (USA), mặc dù triển khai công tác bảo tồn di sản thiên nhiên từ rất sớm (khu bảo tồn thiên nhiên đầu tiên trên thế giới là Công viên Quốc gia Yellowstone của Mỹ thành lập năm 1872), nhưng tới nay, Mỹ vẫn kiên định lập trường bảo tồn di sản theo mô hình Công viên quốc gia (National Park) và Di sản Thế giới (World Heritage), đứng ngoài khuôn khổ UGNN. Hiện nay, Mỹ có 11 di sản thiên nhiên thế giới; 1 di sản hỗn hợp và 63 công viên quốc gia. Do vậy, Bắc Mỹ hiện chưa thể thành lập được mạng lưới CVĐC khu vực. Hiện tại, mạng lưới CVĐC khu vực phát triển sớm và mạnh mẽ nhất là ở châu Âu: EGN hiện có 109 thành viên UGNN và khu vực tiếp theo là châu Á - Thái Bình Dương: APGN hiện có 84 thành viên UGNN.

Tất cả các CVĐC thành viên của các mạng lưới CVĐC quốc gia, khu vực và quốc tế luôn hướng tới thực hiện ba mục tiêu: (1) Bảo tồn tổng thể các giá trị di sản; (2) Giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về các khoa học Trái đất và bảo tồn di sản; (3) Phát triển bền vững kinh tế - xã hội thông qua phát triển du lịch địa chất dựa trên cơ sở khai thác hợp lý, bền vững, hiệu quả tổng thể các giá trị di sản của khu vực.

## 2. CÔNG TÁC BẢO TỒN DI SẢN THIÊN NHIÊN TẠI VIỆT NAM

Trong số 195 quốc gia thành viên UNESCO, có 27 quốc gia không sở hữu di sản thế giới nào, trong khi đó Việt Nam vinh dự sở hữu 8 di sản thế giới (gồm 2 di sản thiên nhiên, 1 di sản hỗn hợp thiên nhiên - văn hóa và 3 CVĐC toàn cầu UNESCO). Các giá trị di sản ở khu di sản thế giới và CVĐC toàn cầu UNESCO của Việt Nam được chuyên gia quốc tế đánh giá cao. Đó chính là lợi thế lớn để xây dựng, phát triển các khu vực này trở thành những điểm đến tâm cỡ quốc gia, khu vực và quốc tế. Nguồn tài nguyên di sản phong phú, đa dạng và độc đáo chính là cơ sở/nền tảng để hình thành và phát triển các sản phẩm du lịch, đặc biệt là du lịch địa chất, sinh thái, văn hóa... Ngoài lượng khách nội địa thì lượng khách du lịch quốc tế đến các khu vực này ngày càng tăng, giúp Việt Nam trở thành một trung tâm du lịch lớn của châu Á, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, mang lại nguồn thu lớn cho nền kinh tế quốc dân.

Riêng công tác bảo tồn di sản địa chất ở Việt Nam bắt đầu được khởi động từ những năm 2000. Ngày 11/3/2009, Chủ tịch Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam đã thành lập đầu mối quốc gia về CVĐC đặt tại Viện Khoa học địa chất và khoáng sản (VIGMR), thuộc Bộ TN&MT (MONRE). Ngày 16/6/2016, Chủ tịch Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam ký Quyết định số 82/QĐ UBQG-UNESCO thành lập Tiểu ban Chuyên môn về CVĐC toàn cầu (UNESCO) của

Việt Nam, trực thuộc Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam. Ngày 9/9/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 1590/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Bảo tồn di sản địa chất, phát triển và quản lý CVĐC ở Việt Nam”, mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam sẽ có 25 - 30 CVĐC quốc gia hoặc toàn cầu. Tuy nhiên, tính đến tháng 5/2024, Mạng lưới CVĐC Việt Nam (VGN) chỉ có 3 CVĐC Toàn cầu UNESCO, gồm: CVĐC Toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn (tỉnh Hà Giang, được công nhận năm 2010); CVĐC Toàn cầu UNESCO Non Nước Cao Bằng (được công nhận năm 2018) và CVĐC Toàn cầu UNESCO Đắk Nông (được công nhận năm 2020). Đặc biệt, một điểm sáng mới của VGN là CVĐC Lạng Sơn đã trình hồ sơ cho UNESCO cuối năm 2023, đang trong giai đoạn thẩm định và kỳ vọng sẽ được nhận danh hiệu CVĐC Toàn cầu vào năm 2025. Ngoài ra, nhiều địa phương khác ở Việt Nam cũng chứa đựng nguồn tài nguyên di sản phong phú, độc đáo và có giá trị (Gia Lai, Phú Yên, Thừa Thiên - Huế, Bắc Kạn, Nghệ An...), cũng đang trong quá trình xúc tiến thành lập CVĐC theo cách tiếp cận từ dưới lên (“bottom - up approach”) mà UNESCO khuyến nghị với mục tiêu cuối cùng là bảo tồn di sản, phát triển bền vững kinh tế - xã hội theo mô hình xây dựng và phát triển CVĐC.

Trong số 3 mục tiêu phát triển CVĐC, mục tiêu “Bảo tồn di sản” được ưu tiên đặt lên hàng đầu, vì khi bảo tồn được di sản thì mới duy trì được nguồn tài nguyên thiên nhiên cho khai thác du lịch và đáp ứng mục tiêu thứ ba là “Phát triển bền vững kinh tế - xã hội”. Tuy nhiên, để bảo tồn hiệu quả và phát huy tối đa nguồn tài nguyên đa dạng, CVĐC luôn có chiến lược bảo tồn tổng thể các di sản thiên nhiên (di sản địa chất và tài nguyên sinh vật, đa dạng sinh học) và di sản văn hóa trong mối gắn kết tự nhiên, hỗ trợ nhau cùng tồn tại, phát huy giá trị.

CVĐC Toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn là CVĐC Toàn cầu đầu tiên của Việt Nam với các đặc trưng tiêu biểu của một vùng núi đá vôi ở cực Bắc của Tổ quốc, có địa hình hiểm trở, khan hiếm nước mặt, đời sống vật chất của đồng bào khó khăn. Đó chính là điểm xuất phát để cơ quan tư vấn là Viện Nghiên cứu địa chất khoáng sản và lãnh đạo tỉnh Hà Giang cùng cộng đồng địa phương quyết tâm lựa chọn mô hình CVĐC để xóa đói giảm nghèo và phát triển bền vững kinh tế - xã hội. Việc bảo tồn và khai thác tổng thể các giá trị di sản thiên nhiên và văn hóa đúng hướng theo mô hình CVĐC đã mang lại cho vùng đất này kết quả tích cực, với số lượng khách du lịch tăng theo thời gian: Năm 2010 đón 2.000 lượt khách du lịch; năm 2022: 2,2 triệu lượt khách và năm 2023: Hơn 3 triệu lượt khách, đưa Hà Giang đã trở thành một điểm đến hấp dẫn mang tầm khu vực và quốc tế.

Năm 2018, CVĐC Non Nước Cao Bằng đã vinh dự trở thành CVĐC Toàn cầu UNESCO Non Nước Cao Bằng và là CVĐC thứ hai của Việt Nam được nhận danh hiệu CVĐC Toàn cầu UNESCO. Cả hai CVĐC Toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn và CVĐC Toàn cầu UNESCO Non Nước Cao Bằng đều thuộc vùng núi đá vôi



Đông Bắc bộ Việt Nam. CVĐC Toàn cầu UNESCO Non Nước Cao Bằng nằm ở phía Đông của CVĐC Toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn. Nhận danh hiệu thành viên của UGGN năm 2018, trải qua tái thẩm định lần thứ nhất năm 2022, việc CVĐC Toàn cầu UNESCO Non Nước Cao Bằng sẽ vinh dự được đăng cai Hội nghị CVĐC châu Á - Thái Bình Dương vào tháng 9/2024 đã chứng tỏ vị thế của CVĐC này trên trường quốc tế. Đây cũng chính là cơ hội tốt để quảng bá cho du lịch Việt Nam.

Là CVĐC Toàn cầu UNESCO thứ ba trong Mạng lưới CVĐC Toàn cầu UNESCO Việt Nam, CVĐC Toàn cầu UNESCO Đắk Nông được nhận danh hiệu năm 2020, được tái công nhận sau tái thẩm định lần thứ nhất năm 2022. Tính đến thời điểm năm 2024, đây là CVĐC núi lửa đầu tiên của Việt Nam, chứa đựng các di sản có giá trị di sản ngoại hạng, với hệ thống hang động núi lửa có quy mô và tính độc đáo nhất Đông Nam Á và Trung Quốc. Năm 2017, lần đầu tiên trên thế giới, các di tích khảo cổ tiền sử, bao gồm di tích cư trú, di tích bếp, di tích mộ táng và di tích xưởng chế tác công cụ đá đã được phát hiện trong hang động núi lửa khu vực Krông Nô với niên đại 6.000 - 3.000 năm. Đây chính là cơ hội để quảng bá các giá trị di sản của CVĐC núi lửa đầu tiên của Việt Nam, tiếp tục tạo ra hiệu ứng hiệu quả trong thị trường du lịch khu vực và quốc tế, đóng góp quan trọng cho phát triển bền vững kinh tế - xã hội của địa phương.

Tóm lại, BVMT di sản thiên nhiên mang lại lợi ích kinh tế thiết thực, đảm bảo phát triển bền vững vì bảo vệ được nguồn tài nguyên du lịch thiên nhiên cho phát triển du lịch địa chất, du lịch sinh thái..., qua đó thực hiện được các mục tiêu và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện đúng Luật BVMT năm 2020 và góp phần tích cực thực hiện 17 Mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 mà Liên hợp quốc thông qua năm 2015 nhằm chấm dứt đói nghèo; bảo vệ hành tinh Trái đất; đảm bảo hòa bình và phát triển thịnh vượng cho tất cả mọi người.

Tuy nhiên, công tác bảo tồn di sản thiên nhiên hiện nay ở Việt Nam vẫn đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong đó có các bất cập liên quan đến Luật Đất đai, cơ chế tổ chức quản lý, trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý di sản, bất cập liên quan với quy hoạch tổng thể và quy hoạch bảo tồn di sản, liên quan đến phát triển cơ sở hạ tầng du lịch, tiềm ẩn nguy cơ vượt ngưỡng chịu tải của di sản, tác động bất lợi của biến đổi khí hậu, tai biến thiên nhiên (hạn hán, lũ lụt, động đất...) đến du lịch... đòi hỏi phải có chiến lược phát triển tổng thể, dài hạn nhưng linh hoạt cho từng địa phương.

### 3. MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ LIÊN QUAN ĐẾN BẢO TỒN DI SẢN THIÊN NHIÊN

*Thứ nhất*, công tác bảo tồn môi trường di sản thiên nhiên cần gắn liền với BVMT di sản văn hóa, bảo tồn và phát huy giá trị của các di sản văn hóa trong chiến lược bảo tồn và khai thác tổng thể các giá trị di sản của CVĐC. Xác lập và khai thác các giá trị di sản địa văn hóa tạo ra

một sản phẩm du lịch mới, độc đáo để cuốn hút khách du lịch và tối ưu hóa việc phát huy giá trị tổng thể của các điểm di sản.

*Thứ hai*, đối với các di sản có giá trị tiêu biểu nhưng chưa nhận được danh hiệu của quốc tế, khu vực, quốc gia hoặc địa phương thì các cơ quan chức năng ở địa phương cần khẩn trương chủ động đề xuất nghiên cứu, xác lập tính pháp lý cho di sản trong khuôn khổ Luật BVMT và Luật Di sản, đồng thời, lên kế hoạch bảo vệ, bảo tồn và khai thác di sản, đóng góp trực tiếp cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, kịp thời bảo vệ, bảo tồn các di sản độc lập có giá trị, tránh các tác động tự nhiên và xã hội làm hủy hoại những di sản quý giá mà địa phương đã được thiên nhiên ban tặng. Bởi vì công tác bảo tồn môi trường di sản thiên nhiên cần được triển khai trên toàn lãnh thổ, mà không chỉ bó hẹp trong khuôn khổ các di sản thiên nhiên thế giới, CVĐC hoặc khu bảo tồn di sản. Trong khi đó, để nhận được một danh hiệu di sản cấp quốc tế, khu vực, thậm chí cấp quốc gia là rất khó khăn, lâu dài và tốn kém, trong khi nhu cầu về bảo tồn di sản lại vô cùng cấp thiết.

*Thứ ba*, cần ban hành và nghiêm túc thực hiện các chế tài để bảo vệ, bảo tồn di sản; khuyến khích cộng đồng nâng cao ý thức bảo vệ, bảo tồn môi trường di sản thiên nhiên, sống tối giản để dành nguồn tài nguyên không tái tạo quý giá này cho các thế hệ con cháu chúng ta trong tương lai. ■

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *How tourism can contribute to environmental conservation. Source: United Nations Environment Programme (UNEP), 2001. <https://www.gdrc.org/uem/ecotour/envi/index.html>.*
2. *La Thế Phúc, Lương Thị Tuất và ntk., 2018. Báo cáo "Nghiên cứu, điều tra đánh giá di sản địa chất, xây dựng công viên địa chất khu vực Krông Nô, tỉnh Đắk Nông" để tài KHCN cấp Tỉnh 2016-2018. Lưu trữ tại Trung tâm Thông tin, Kỹ thuật và Ứng dụng Khoa học Công nghệ, thuộc Sở Khoa học và Công nghệ Đắk Nông, Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam.*
3. *La Thế Phúc, Lương Thị Tuất và ntk., 2020. Báo cáo "Nghiên cứu giá trị di sản hang động, đề xuất xây dựng bảo tàng bảo tồn tại chỗ ở Tây Nguyên; lấy thí dụ hang động núi lửa ở Krông Nô, tỉnh Đắk Nông" (2017-2020), để tài KHCN cấp Nhà nước, mã số TN17/T06. Lưu trữ tại Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, Hà Nội.*
4. *La Thế Phúc, Lương Thị Tuất và ntk., 2020. Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông - những giá trị di sản nổi bật và chặng đường dẫn tới danh hiệu cao quý. Tạp chí Địa chất Loạt A số 371- 372/ 2020, Tr 261-271 (Số kỷ niệm 75 năm xây dựng và phát triển ngành Địa chất Việt Nam); Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Hà Nội.*
5. *La Thế Phúc, Lương Thị Tuất và ntk (2020). "Hang động núi lửa- điểm nhấn đặc biệt có giá trị nổi bật toàn cầu của Công viên Địa chất Toàn cầu UNESCO Đắk Nông, 2020". Tạp chí Địa chất, loạt A, số 373 - 374/2020, tr.100-113 (Số kỷ niệm 45 năm thành lập Liên đoàn Bản đồ Địa chất miền Nam).*



# Quảng Nam: Nỗ lực trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học

Quảng Nam nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Nam Trung bộ, có diện tích 10.574,86 km<sup>2</sup>, dân số năm 2022 là 1.519.400 người. Với địa bàn rộng, vị trí địa lý đặc biệt tạo nên sự đa dạng về sinh cảnh, Quảng Nam được xếp vào địa phương có tính đa dạng sinh học (ĐDSH) cao, nằm trong vùng cảnh quan ưu tiên của Trung Trường Sơn. Những năm qua, Quảng Nam đã và đang nỗ lực quản lý, bảo tồn và phục hồi các hệ sinh thái, loài hoang dã, nguồn gen quý hiếm. Tuy nhiên, ĐDSH của Quảng Nam đang đối mặt với nhiều nguy cơ của biến đổi khí hậu (BĐKH) và áp lực phát triển kinh tế - xã hội (KT - XH), do vậy, công tác phục hồi, bảo tồn ĐDSH càng trở nên cần thiết và cấp bách.

## 1. THỰC TRẠNG ĐA DẠNG SINH HỌC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Quảng Nam là khu vực có nhiều hệ sinh thái rừng và biển đặc trưng, có tính ĐDSH cao, mang lại nhiều giá trị cảnh quan và kinh tế; là nơi phân bố của các loài quý hiếm, đặc hữu như sao la, hổ, voi châu Á, voọc chà vá chân xám, khướu Ngọc Linh, mang Trường Sơn, sâm Ngọc Linh, san hô, cỏ biển... Quảng Nam với 13 kiểu hệ sinh thái đặc trưng cho cả 3 vùng ĐDSH rừng - đất ngập nước và biển.

### 1.1. Thực trạng ĐDSH rừng

Quảng Nam có diện tích rừng và đất quy hoạch phát triển rừng là 769.790,84 ha (729.654,17 ha trong quy hoạch và 40.136,67 ha có rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng), độ che phủ rừng đạt 58,88%. Diện tích rừng và đất rừng phân theo chức năng cụ thể như sau: Rừng đặc dụng: 139.895,57 ha (có rừng 129.007,10 ha ; chưa có rừng 10.888,47 ha); Rừng phòng hộ: 315.765,25 ha (có rừng 278.863,60 ha; chưa có rừng 36.901,65 ha); Rừng sản xuất: 273.993,35 ha (có rừng 181.046,72 ha ; chưa có rừng 92.946,63 ha).

Quảng Nam là nơi giao lưu giữa các hệ thực vật phía Bắc và phía Nam, nên rừng tự nhiên ở tỉnh Quảng Nam có tính ĐDSH cao với sự hiện diện của các loài thú quý hiếm như: Voi (*Elephas maximus*), sao la (*Pseudoryx nghetinhensis*), khướu Ngọc Linh (*Trochalopteron ngoclinhense*), chồn bay (*Galeopterus variegatus*), mang Trường Sơn (*Caninmuntiacus truongsonensis*), chà vá chân xám (*Pygatrix cinerea*); thực vật như: Pơ mu (*Cupressus fodginssi*), kiến kiến (*Hopea pierrei*); cây dược liệu: sâm ba kích (*Morinda officinalis*), sâm ngọc linh (*Panax vietnamensis*)... Qua điều tra, khảo sát của các đoàn chuyên gia đã ghi nhận: Có 1.129 loài thực vật; 111 loài thú, với nhiều loài thú được xác nhận là bị đe dọa trên toàn cầu với mức độ sắp nguy cấp; 270 loài chim; 48 loài bò sát.

### 1.2. Thực trạng ĐDSH đất ngập nước (ĐNN)

Tổng diện tích ĐNN của tỉnh khoảng 71.049 ha (bao gồm đất chuyên trồng lúa nước, đất nuôi trồng thủy sản, đất sông, suối và mặt nước chuyên dùng). Lưu vực sông



▲ Một góc KBT biển Cù Lao Chàm, Hội An, Quảng Nam

rộng lớn với ba hệ thống sông chính Tam Kỳ, Vu Gia, Thu Bồn, nguồn tài nguyên nước dồi dào với các hồ chứa, thuận lợi phát triển thủy lợi, thủy điện. Bờ biển dài 125 km, nhiều bãi tắm, sạch, đẹp, là tài nguyên du lịch có giá trị. Bờ biển dài và rộng; Sông Cổ Cò kéo dài hơn 10 km và sông Trường Giang kéo dài hơn 78 km, chạy dọc theo đường bờ biển, với những vũng vịnh lớn như An Hòa, Trường Giang, là vùng ĐNN đầy tiềm năng và ĐDSH cao, có thể khai thác sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau.

Theo kết quả khảo sát năm 2015-2017, có 447 loài sinh vật ở khu vực cửa sông Thu Bồn và 506 loài ở vùng chuyển tiếp; trong đó có 12 loài cá giống có giá trị kinh tế, thuộc 5 họ, 1 bộ đang được ngư dân khai thác. Trong đó, họ cá mú (*Serranidae*) có 7 loài, họ cá hồng (*Lutjanidae*): 2 loài, họ cá khế (*Carangidae*) có 1 loài, họ cá nâu (*Scatophagidae*) có 1 loài, họ cá dià (*Siganidae*). Khu vực đất ngập nước Sông Đầm (Tam Kỳ) với diện tích toàn bộ lưu vực là 650 ha, trong đó có gần 200 ha mặt nước. Qua khảo sát đánh giá của Viện Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam các loài động, thực vật Sông Đầm như sau: Ghi nhận được 295 loài động vật; trong đó có 33 loài cá khác nhau; có 16 loài bò sát, ếch nhái; có 31 loài chim, đáng chú ý có loài "Cò nhạn" nằm trong Sách đỏ Việt Nam 2007; có 211 loài côn trùng. Ghi nhận được 170 loài thực vật bậc cao thuộc 74 họ khác nhau. Đặc trưng của hệ thực vật Sông Đầm là các loài cây ngập nước, bán ngập nước.

### 1.3. ĐDSH biển

#### 1.3.1. Khu vực biển xã Tam Hải, Núi Thành

Kết quả điều tra về ĐDSH nguồn lợi thủy sản ở vùng biển xã Tam Hải và các khu vực lân cận đã xác định được: 98 loài cá 72 giống, 46 họ, 24 bộ, thuộc 2 lớp. Trong đó, xác định có 3 loài được ghi trong Sách đỏ Việt Nam 2007 và Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng và 1 loài ở mức VU - sẽ nguy cấp thuộc Danh lục đỏ thế giới. Động vật thân mềm có 13 loài, 12 giống, 9 họ của 3 lớp: Lớp chân bụng *Gastropoda*, lớp hai mảnh vỏ *Bivalvia* và lớp chân đầu *Cephalopoda*. Động vật giáp xác: 12 loài thuộc 7 giống, 4 họ của 1 lớp giáp mềm *Malacostraca*.

#### 1.3.2. KBT biển Cù Lao Chàm, Hội An

Cù Lao Chàm là một quần đảo bao gồm 7 hòn đảo lớn nhỏ với tổng diện tích khoảng 1.642,80 ha, cách Cửa Đại



15 km và TP. Hội An khoảng 18 km về hướng Đông, với gần 2.000 dân cư sinh sống tại khu vực Hòn Lao. Cù Lao Chàm được biết đến bởi sự ĐDSH của các hệ sinh thái quan trọng, bao gồm hệ sinh thái rừng thường xanh, hệ sinh thái nông nghiệp trên đảo; hệ sinh thái rạn san hô, hệ sinh thái thảm cỏ biển, rong biển và hệ sinh thái bờ triều - vùng đá, các hệ sinh thái có mối quan hệ, tính liên kết nhất định không tách rời từ trên rừng xuống biển. Đây còn là nơi có hệ sinh thái rừng và biển gần như nguyên vẹn cùng với các giá trị về tài nguyên thiên nhiên nổi trội.

Rừng Cù Lao Chàm là rừng nguyên sinh với tổng diện tích rừng bao phủ là 1.103,23 ha chiếm 67,15% tổng diện tích phần đảo nổi, hệ thực vật có 624 loài thuộc 418 chi, 130 họ, hệ động vật có 15 loài thú trong đó có 2 loài thú lớn là khỉ vàng và Tê tê JAVA, 133 loài thú nhỏ thuộc 9 họ, 3 chi, 33 loài chim, 51 loài bò sát và lưỡng cư thuộc 18 họ, 3 bộ. KBT biển Cù Lao Chàm có hệ sinh thái biển vô cùng phong phú, đa dạng với 311 héc ta rạn san hô với 292 loài san hô cứng thuộc 40 giống, 17 họ và 45 loài san hô mềm, là nơi cư trú của các loài sinh vật biển trong đó có 277 loài cá, 156 loài thân mềm, 25 loài giáp xác, 22 loài da gai, 97 loài nhuyễn thể. Bên cạnh đó, các hệ sinh thái khác ngoài hệ sinh thái rạn san hô như hệ sinh thái cỏ và rong biển với độ bao phủ cao, hệ sinh thái bãi biển... đã góp phần tạo nên bức tranh biển đảo đầy màu sắc.

**2. NỖ LỰC BẢO TỒN, PHỤC HỒI ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN**

Thời gian qua, công tác điều tra, thống kê, khảo sát về ĐDSH trên địa bàn tỉnh được xác định là nhiệm vụ quan trọng, được thực hiện thông qua nhiều cách thức khác nhau: Xây dựng các kế hoạch điều tra, khảo sát định kỳ; thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ nhằm đánh giá được tiềm năng, cập nhật được thực trạng ĐDSH; tạo cơ sở khoa học và thực tiễn cho công tác quy hoạch, xây dựng và triển khai các giải pháp, chương trình, kế hoạch bảo tồn, phục hồi ĐDSH trên địa bàn tỉnh. Đến nay, tỉnh Quảng Nam đã quy hoạch, tiến hành thành lập các KBT thiên nhiên, KBT loài và sinh cảnh và các khu bảo vệ cảnh quan trên địa bàn với tổng diện tích 157.380 ha. Diện tích quy hoạch rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh được xây dựng với 144.465 ha; tăng hơn 4.500 ha so với giai đoạn 2011 - 2020. Tổng diện tích hiện nay của KBT biển Cù Lao Chàm là 23.500 ha, trong đó diện tích biển 21.888 ha (so với tổng diện tích 8.265 ha; diện tích biển 6.716 ha năm 2010).

Đặc biệt, công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật luôn được tỉnh chú trọng, đẩy mạnh tăng cường đến các tầng lớp nhân dân bằng nhiều hình thức đa dạng. Từ năm 2015 đến nay, tỉnh đã tổ chức với 284 hội nghị/10.715 lượt đại biểu tham gia, họp dân 1.467 đợt/84.269 lượt người tham gia; tập huấn với 2.081 lớp/138.479 lượt người tham gia; tuyên truyền lưu động 2.495 đợt; cấp phát hàng ngàn tờ rơi, poster tuyên truyền; đưa tin và phóng sự trên sóng phát thanh, truyền hình (QRT), báo tỉnh Quảng Nam và khu vực (VTV8) thông qua các phim ngắn, câu chuyện về bảo vệ rừng và bảo tồn ĐDSH trên địa bàn tỉnh.

Được sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, UBND tỉnh đã chỉ đạo cho các ngành chức năng phối hợp khảo sát, đánh giá thực trạng và xây dựng Chiến lược và các kế hoạch hành động bảo tồn ĐDSH trên địa bàn tỉnh như: Chiến lược bảo tồn ĐDSH hệ sinh thái rừng phía Tây của tỉnh (2005); Xây dựng Chiến lược bảo tồn tài nguyên và ĐDSH tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2005 - 2015 và tầm nhìn 2020; Kế hoạch hành động ĐDSH tỉnh Quảng Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020; Kế hoạch hành động thực thi pháp luật về bảo tồn tài nguyên và ĐDSH; Kế hoạch hành động giáo dục bảo tồn...

Từ năm 2015 đến năm 2023, có 18 nhiệm vụ khoa học, công nghệ cấp tỉnh đã và đang được triển khai thực hiện có liên quan đến hoạt động nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn ĐDSH trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Các nhiệm vụ nghiên cứu về vấn đề phục hồi và bảo tồn rùa biển tại KBT biển Cù Lao Chàm; nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn để đề xuất thiết lập KBT biển khu vực xã Tam Hải, huyện Núi Thành; nghiên cứu ĐDSH động thực vật hồ Sông Đám; xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống quản lý thông minh ĐDSH hệ thực vật các khu rừng đặc dụng tỉnh Quảng Nam... Ngoài ra, tỉnh đã tiến hành triển khai một số nhiệm vụ quỹ gen hướng đến giải quyết vấn đề về bảo tồn giống, phát triển các loại cây trên địa bàn tỉnh Quảng Nam như lúa rẫy (Nhe mùa, Ba Trắng, Ba toon), ngô nếp Hội An, tiêu Tiên Phước, bưởi Trụ lông Đại Bình, bòn bon, măng cụt, lim xanh, giổi hương..., con vật nuôi (heo cỏ, gà tre)...

Bên cạnh đó, các hoạt động phục hồi, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2015 - 2023 được thực hiện thông qua các chương trình, dự án như: Dự án Bảo vệ và phát triển rừng, Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững, Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT - XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Tiểu dự án 1, Dự án 3); các Dự án: Hành lang ĐDSH Tiểu vùng sông Mê Công (BCC); Dự án Dự trữ các-bon và bảo tồn ĐDSH (CarBi); Bảo vệ và quản lý tổng hợp các hệ sinh thái rừng Quảng Nam (KfW10); Trường Sơn xanh; Mây tre keo bền vững (SBARP) - WWF hỗ trợ cấp FSC; Tăng cường khả năng chống chịu với những tác động của BĐKH cho các cộng đồng dễ bị tổn thương ven biển tỉnh Quảng Nam (GCF); Chương trình chi trả dịch vụ môi trường rừng; Chương trình hỗ trợ các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP góp phần tái tạo lại các diện tích rừng phần mất, suy thoái hay phủ xanh các diện tích đất trống.

Đồng thời, tỉnh đã thực hiện trồng rừng mới, trồng lại rừng sau khai thác là 172.056,77 ha; trong đó, diện tích rừng phòng hộ, đặc dụng 2.749,96 ha và trồng rừng sản xuất 169.306,81 ha. Thực hiện khoanh nuôi tái sinh với tổng diện tích 41.235,73 lượt ha. Tổng diện tích khoán, bảo vệ rừng trong giai đoạn 2015-2023 là 3.541.169,04 lượt ha thông qua triển khai thực hiện việc khoán, bảo vệ rừng theo nhiều chương trình chính sách như: Giao khoán rừng tự nhiên tại các xã khu vực II, III theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP, Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững, Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững, Chương



trình mục tiêu quốc gia phát triển KT - XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Tiểu dự án 1, Dự án 3), Chi trả dịch vụ môi trường rừng, các dự án vốn ODA... Qua giao khoán bảo vệ rừng đã góp phần giải quyết việc làm, tăng thêm thu nhập cho hơn 30.000 hộ dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc tại các huyện miền núi.

Trong nhiều năm qua, tỉnh Quảng Nam đã phối hợp, hợp tác với các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ triển khai nhiều hoạt động về bảo tồn và khôi phục các giá trị ĐDSH trên địa bàn như: Triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ quản lý và đào tạo nâng cao năng lực trên nhiều lĩnh vực cho đội ngũ cán bộ trong lực lượng Kiểm lâm, cán bộ làm công tác chuyên môn về bảo tồn tại các đơn vị trực thuộc và Ban quản lý rừng đặc dụng; Hỗ trợ xây dựng hệ thống giám sát tài nguyên rừng Quảng Nam, thiết lập công cụ quản lý hệ thống dữ liệu và báo cáo tuần tra (SMART, Locus Map); Báo cáo đánh giá nhu cầu bảo tồn, nhu cầu KT - XH vùng đệm KBT... Thiết lập hệ thống thực thi pháp luật bảo vệ rừng hiệu quả; Giám sát ĐDSH; Triển khai hỗ trợ, phát triển sinh kế cộng đồng bền vững; Hoạt động quản lý bền vững ĐDSH...

Ngoài ra, một số Dự án đang và sẽ triển khai tại Quảng Nam như: Quản lý rừng bền vững và Bảo tồn ĐDSH ở Việt Nam (VFBC, do USAID tài trợ) với mục tiêu bảo tồn, bảo vệ và quản lý các loài động vật đặc hữu và có nguy cơ tuyệt chủng cũng như hai loại rừng quan trọng: Rừng đặc dụng và rừng phòng hộ; “Tăng cường vai trò các cộng đồng và tổ chức xã hội trong công tác bảo tồn tại khu vực Trung Trường Sơn” do Tổ chức hợp tác phát triển quốc tế Thụy Điển (SIDA) tài trợ thông qua WWF; “Giải cứu Sao la khỏi bờ vực tuyệt chủng”; “Đẩy mạnh chuỗi cung ứng bền vững, trao quyền cộng đồng, cải thiện khả năng phục hồi rừng và ĐDSH, chia sẻ kiến thức kinh nghiệm xuyên quốc gia” (IKEA-pha 7, do IKEA tài trợ thông qua WWF); Phục hồi rừng và phát triển sinh kế huyện Tây Giang (do Velux tài trợ) và các dự án phục hồi rừng... cũng đã góp phần quan trọng vào công tác bảo tồn ĐDSH trên địa bàn tỉnh đạt hiệu quả.

Tuy nhiên, cũng như các địa phương khác, Quảng Nam đang đối mặt với tình trạng suy thoái ĐDSH, do tác động bởi ô nhiễm nước, không khí và rác thải nhựa; khai thác, sản xuất và tiêu dùng quá mức, hủy hoại rừng, săn bắt và buôn bán trái phép các loài hoang dã, tận diệt nguồn lợi thủy sản. Cùng với đó, áp lực phát triển kinh tế cũng đã tác động lớn đến môi trường, bảo tồn ĐDSH. Do vậy, đòi hỏi sự nỗ lực của toàn xã hội trong công tác ngăn chặn suy giảm ĐDSH, bảo đảm duy trì các dịch vụ hệ sinh thái, phát triển bền vững.

### 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC

Với mục tiêu ngăn chặn được tốc độ suy thoái của hệ sinh thái và ĐDSH; ĐDSH và các dịch vụ hệ sinh thái từng bước được phục hồi, bảo tồn và sử dụng hiệu quả nhằm góp phần phát triển bền vững KT - XH, chủ động ứng phó với BĐKH, tỉnh Quảng Nam đã phê duyệt Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2025, trong đó, xác định rõ về phương án bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH, bao gồm:

*Thứ nhất*, tập trung bảo vệ, khôi phục rừng, nhất là rừng đầu nguồn.

*Thứ hai*, chuyển đổi mục đích sử dụng đất đúng mục tiêu, hiệu quả; hạn chế chuyển đổi đất trồng lúa năng suất cao, đất rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

*Thứ ba*, cải thiện về chất lượng, số lượng quần thể các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, đảm bảo không gia tăng số lượng loài bị tuyệt chủng; cải thiện tình trạng loài bị đe dọa tuyệt chủng.

*Thứ tư*, tiếp tục thực hiện đề án thí điểm kinh doanh tín chỉ các-bon rừng; đẩy mạnh thu hút các khối tư nhân đầu tư nghiên cứu xây dựng tín chỉ các-bon rừng đối với các vùng rừng xung yếu; xin phép Thủ tướng cho thí điểm thực hiện; tranh thủ cơ hội có thể bán được tín chỉ các-bon rừng để người dân trong vùng bảo tồn được tiếp tục hưởng lợi.

*Thứ năm*, phát huy giá trị cảnh quan thiên nhiên, dịch vụ hệ sinh thái tài nguyên di truyền. Công tác bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH được thực hiện trên quan điểm quản lý gắn với khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên nhằm góp phần giảm nghèo, BVMT, đảm bảo cân bằng sinh thái và an ninh quốc phòng của tỉnh Quảng Nam nói riêng và của Việt Nam nói chung. Các giải pháp bảo tồn ĐDSH phải phù hợp với quy hoạch phát triển KT - XH của tỉnh, quy hoạch sử dụng đất đai và các quy hoạch ngành có liên quan, đảm bảo phát triển bền vững KT - XH phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển KT - XH liên quan của các ngành và các địa phương.

*Thứ sáu*, tăng cường nguồn lực tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế thông qua triển khai dự án, mô hình thí điểm, từ đó từng bước lồng ghép vào chương trình, kế hoạch cụ thể của mỗi ngành, địa phương nhằm tăng cường tính hiệu quả trong quản lý bảo tồn trong phát triển KT - XH trên mỗi địa bàn, vùng sinh thái khác nhau.

*Thứ bảy*, quy hoạch 3 vùng đất ngập nước quan trọng (Vùng đất ngập nước vùng An Hòa; Vùng đất ngập nước tại vùng Bãi Sậy - Sông Đầm; Hệ sinh thái dừa nước tại khu vực sông Trà và sông Bến Đình).

*Thứ tám*, quy hoạch chuyển tiếp hành lang bảo tồn ĐDSH kết nối KBT loài và sinh cảnh Sao La, Vườn quốc gia sông Thanh, KBT loài và sinh cảnh Voi, Khu dự trữ thiên nhiên Ngọc Linh; thành lập mới hành lang ĐDSH Cù Lao Chàm-Cù Đại, Quảng Nam.

*Thứ chín*, tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng trong bảo tồn ĐDSH; hoàn thiện hệ thống tổ chức, cơ chế, chính sách về bảo tồn ĐDSH; giải quyết từng bước sinh kế, ổn định đời sống, nâng cao mức sống của người dân địa phương trong vùng quy hoạch các KBT... ■

NGUYỄN XUÂN HOÀNG

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2025.
2. Báo cáo thực trạng công tác bảo tồn, phục hồi ĐDSH trên địa bàn tỉnh Quảng Nam từ năm 2015 đến năm 2023.
3. Nghị định số 75/2015/NĐ-CP về bảo vệ và phát triển rừng gắn với giảm nghèo.



# Phát triển du lịch gắn với bảo tồn di sản thiên nhiên

TS. LÊ THU HƯƠNG

Học viện Hành chính quốc gia

Phát triển du lịch gắn với bảo tồn di sản thiên nhiên là việc phát huy tiềm năng du lịch của một địa phương mà đồng thời đảm bảo bảo vệ và duy trì các giá trị thiên nhiên, văn hóa truyền thống của địa phương đó. Điều này giúp tạo ra một môi trường du lịch bền vững và mang lại lợi ích kép cho cả du khách và cộng đồng địa phương. Tuy nhiên, việc khai thác di sản thiên nhiên vào phát triển du lịch cũng tiềm ẩn nguy cơ làm xói mòn giá trị của các di sản đó. Bởi vậy, việc cân bằng giữa phát triển du lịch và bảo tồn, phát huy giá trị di sản thiên nhiên thực sự rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

## 1. VAI TRÒ CỦA DI SẢN THIÊN NHIÊN TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH

Di sản thiên nhiên đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển ngành du lịch. Việc bảo vệ và bảo tồn di sản thiên nhiên không chỉ giữ gìn vẻ đẹp tự nhiên mà còn giúp tạo ra cơ hội kinh doanh bền vững cho ngành Du lịch. Những địa điểm du lịch có giá trị về môi trường và sinh thái không chỉ thu hút khách du lịch mà còn giữ cho cộng đồng địa phương phát triển và thúc đẩy nền kinh tế địa phương. Có thể kể đến các vai trò cụ thể của di sản thiên nhiên trong phát triển du lịch như sau:

*Di sản thiên nhiên là yếu tố thu hút khách du lịch:* Di sản thiên nhiên đóng vai trò quan trọng trong phát triển du lịch bởi vì nó mang đến sự độc đáo và đẹp mắt cho du khách khi đến tham quan một địa điểm. Những danh thắng tự nhiên như dãy núi, biển cả, rừng rậm trở thành điểm thu hút du lịch lớn không chỉ vì vẻ đẹp của chúng mà còn vì giá trị văn hóa và môi trường mà chúng đại diện.

Hơn nữa, khách du lịch thường muốn khám phá những cảnh đẹp hoang sơ, những kỳ quan thiên nhiên độc đáo và trải nghiệm văn hóa độc đáo của một đất nước. Việc bảo tồn và phát triển di sản thiên nhiên không chỉ giữ gìn vẻ đẹp tự nhiên mà còn tạo ra cơ hội kinh doanh và phát triển du lịch bền vững. Vì vậy, việc bảo vệ di sản thiên nhiên là một yếu tố quan trọng để thu hút du khách và phát triển ngành Du lịch.

*Di sản thiên nhiên góp phần tạo thu nhập cho cộng đồng địa phương thông qua hoạt động du lịch:* Du lịch thiên nhiên không chỉ là một hình thức tham quan, trải nghiệm của khách du lịch mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế và tạo ra nguồn thu nhập cho cộng đồng địa phương. Bằng cách khai thác các tài nguyên thiên nhiên địa phương, du lịch thiên nhiên không chỉ tạo ra cơ hội việc làm cho người dân mà còn thúc đẩy hoạt động kinh doanh như bán hàng và cung cấp các dịch vụ du lịch. Việc phát triển du lịch thiên nhiên đồng nghĩa với việc tăng cường thu nhập cho cộng đồng địa phương, giúp họ cải thiện đời sống và phát triển kinh tế bền vững.

*Di sản thiên nhiên góp phần BVMT và phát triển du lịch bền vững:* Khi kết hợp di sản thiên nhiên vào các hành trình du lịch, chúng ta không chỉ tạo ra trải nghiệm du lịch độc đáo mà còn giúp bảo vệ và phát triển di sản văn hóa, thiên nhiên của một vùng đất. Việc phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch bền vững cũng giúp nâng cao ý thức BVMT và di sản thiên nhiên cho cả những du khách và cộng đồng địa phương. Đồng thời, việc bảo vệ và quản lý hiệu quả di sản thiên nhiên cũng đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sự nguyên vẹn của môi trường và cân bằng sinh thái, từ đó bảo vệ cho sự phát triển bền vững của du lịch và cộng đồng địa phương.

*Di sản thiên nhiên tạo thương hiệu du lịch cho địa phương:* Việc kết hợp di sản thiên nhiên vào các hành trình du lịch thông qua những nguồn tài nguyên tự nhiên độc đáo như rừng nguyên sinh, biển đảo hoang sơ không chỉ giúp tăng cường nguồn thu nhập cho cộng đồng địa phương mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và phát triển du lịch bền vững. Việc phát triển du lịch theo hướng này cũng giúp xây dựng một thương hiệu du lịch mạnh mẽ, hấp dẫn và nổi tiếng trên thị trường du lịch trong nước cũng như quốc tế. Điều này không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn góp phần quan trọng vào việc bảo tồn và bảo vệ di sản thiên nhiên quý giá của đất nước.

*Di sản thiên nhiên góp phần tuyên truyền và quảng bá du lịch cho địa phương:* Để thu hút khách du lịch, việc tuyên truyền và quảng bá di sản thiên nhiên là rất quan trọng. Những nét đẹp tự nhiên độc đáo cần được giới thiệu một cách rộng rãi và chuyên nghiệp để tạo sự nhận diện và tạo điểm nhấn cho địa điểm du lịch. Việc này không chỉ giúp nâng cao ý thức BVMT mà còn thúc đẩy ngành du lịch phát triển bền vững. Di sản thiên nhiên không chỉ là nguồn tài nguyên quý giá mà còn đóng vai trò quan trọng trong phát triển du lịch bền vững.

## 2. TÁC ĐỘNG CỦA DU LỊCH ĐẾN MÔI TRƯỜNG THIÊN NHIÊN

Phát triển du lịch có thể mang lại các tác động tích cực hoặc tiêu cực, tùy thuộc vào cách hoạt động du lịch được thực hiện tại mỗi địa phương.

### 2.1. Tác động tích cực

*Du lịch góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên:* Hoạt động du lịch góp phần bảo tồn các vườn quốc gia, khu bảo tồn tự nhiên và khu rừng văn hóa, di tích lịch sử, môi trường. Việc sử dụng hợp lý và bảo vệ tối ưu các nguồn tài nguyên trong du lịch giúp duy trì tính đa dạng sinh học và cảnh quan thiên nhiên. Hơn nữa, du lịch không chỉ mang lại cơ hội cho du khách khám phá và trải nghiệm vẻ đẹp tự nhiên độc đáo, đồng thời khuyến khích họ tôn trọng và bảo vệ môi trường. Điều này giúp du khách có trải nghiệm tích cực với thiên nhiên và du lịch bền vững, đồng thời tạo ra nguồn thu nhập cho cộng đồng địa phương và thúc đẩy phát triển kinh tế xanh.



▲ Nguồn: <https://mia.vn/cam-nang-du-lich/cong-vien-quoc-gia-yellowstone-my-15000>

**Du lịch góp phần tăng thêm đa dạng sinh học:** Du lịch góp phần tăng thêm đa dạng sinh học nơi có di sản thiên nhiên bằng cách tạo ra cơ hội cho người dân địa phương giữ và duy trì các khu vực sinh thái đa dạng, tạo điều kiện cho việc bảo tồn các loài động vật và thực vật quý hiếm. Đồng thời, các dự án du lịch thường bao gồm việc xây dựng các công viên cảnh quan, khu nuôi chim thú hoặc bảo tồn đa dạng sinh học thông qua nuôi trồng nhân tạo. Điều này tạo ra sự đa dạng sinh học tại các điểm du lịch tại các địa phương có di sản thiên nhiên.

**Du lịch góp phần bổ sung vẻ đẹp cảnh quan của các di sản thiên nhiên:** Các dự án du lịch thường yêu cầu tạo thêm các vườn cây, công viên cảnh quan, hồ nước và thác nước nhân tạo. Ngoài ra, việc tu sửa nhà cửa, cải thiện hệ thống vệ sinh công cộng, đường sá, năng lượng và dịch vụ môi trường tạo lợi ích cho cả du khách và cư dân địa phương. Điều này bổ sung vẻ đẹp cảnh quan cho khu vực phát triển du lịch.

**Du lịch góp phần hạn chế ô nhiễm cục bộ nơi có di sản thiên nhiên:** Du lịch có thể góp phần hạn chế ô nhiễm cục bộ ở nơi có di sản thiên nhiên bằng cách khuyến khích du khách tham gia vào các hoạt động BVMT, giáo dục về tầm quan trọng của việc bảo vệ thiên nhiên và động vật, cũng như quản lý thông minh nguồn lực để giảm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Điều này giúp du lịch phát triển bền vững và bảo tồn di sản thiên nhiên cho thế hệ tương lai.

## 2.2. Tác động tiêu cực

**Du lịch góp phần gây ô nhiễm môi trường không khí nơi có di sản thiên nhiên:** Hoạt động du lịch, đặc biệt là tăng cường giao thông và sử dụng phương tiện di chuyển, có thể gây ô nhiễm không khí. Khí thải từ xe cộ và máy bay chứa các hợp chất gây hại như khí CO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, và hạt bụi, ảnh hưởng đến chất lượng không khí.

**Du lịch góp phần gây ô nhiễm môi trường nước nơi có di sản thiên nhiên:** Du lịch có thể gây ô nhiễm nước thông qua việc xả thải từ khách sạn, nhà hàng và tàu du lịch. Nước thải chứa hóa chất và vi sinh vật gây hại cho môi trường nước, ảnh hưởng đến hệ sinh thái sông, biển và hồ.

**Du lịch góp phần gây ô nhiễm tiếng ồn nơi có di sản thiên nhiên:** Sự tăng cường du lịch có thể dẫn đến ô nhiễm tiếng ồn, đặc biệt tại các điểm du lịch đông đúc. Tiếng ồn từ giao thông, nhà hàng, và các hoạt động giải trí ảnh hưởng đến sức khỏe con người và động vật.

**Du lịch góp phần hủy diệt hệ động thực vật nơi có di sản thiên nhiên:** Việc xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch như khách sạn, khu nghỉ dưỡng, và đường xá, có thể làm hủy diệt hệ động thực vật. Sự thay đổi môi trường gây mất đa dạng sinh học và làm thay đổi cấu trúc hệ sinh thái.

**Du lịch gây thiệt hại đối với môi trường cảnh quan:** Việc phát triển du lịch không hợp lý có thể làm hỏng cảnh quan tự nhiên, như bờ biển, rừng, và đồi núi. Sự thay đổi không gian cảnh quan ảnh hưởng đến trải nghiệm du lịch và giá trị văn hóa của một vùng đất.

## 3. MỘT SỐ KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN DU LỊCH GẮN VỚI BẢO TỒN DI SẢN THIÊN NHIÊN TRÊN THẾ GIỚI VÀ TẠI VIỆT NAM

### 3.1. Phát triển du lịch gắn với bảo tồn di sản thiên nhiên trên thế giới

**Công viên quốc gia Yellowstone, Mỹ:** Yellowstone là một trong những công viên quốc gia đầu tiên trên thế giới và cũng là di sản thế giới của UNESCO. Việc phát triển du lịch ở đây đã tập trung vào việc bảo vệ thiên nhiên, giữ gìn động vật hoang dã và cung cấp trải nghiệm du lịch bền vững cho khách du lịch. Các hoạt động như tham quan, leo núi và xem động vật hoang dã được tổ chức một cách cân nhắc để không gây hại cho môi trường.

**Costa Rica - thiên đường của du lịch sinh thái:** Là một quốc gia nhỏ ở vùng Trung Mỹ, Costa Rica nằm giữa nước Nicaragua ở phía bắc và Panama phía nam, còn phía đông là biển Caribe và phía tây là biển Thái Bình Dương. Quốc gia này có một thảm rừng xanh quý giá với hàng ngàn loài chim lạ, hơn 15 ngàn loài bướm, 3.000 loài hoa lan đẹp cùng nhiều loại thú quý hiếm... Các nhà khoa học đến đây nghiên cứu cho biết không nơi đâu trên thế giới có thảm rừng phong phú về sinh vật và thực vật lạ như ở đây. Nhờ vậy mà Costa Rica thu hút hàng triệu du khách mỗi năm.

Du lịch được xem là ngành kinh tế mũi nhọn của Costa Rica nên chính quyền đã có chính sách bảo vệ thiên nhiên một cách hữu hiệu. Họ đã dành hơn 30% diện tích đất đai cho thiên nhiên, muông thú và con người chỉ được tham quan giới hạn, tuyệt đối không được sinh sống, khai phá và săn bắn trong vùng này. Điều này khiến cho du khách yêu thiên nhiên rất hài lòng.

**Machu Picchu, Peru:** Machu Picchu là một thành phố cổ của người Inca nằm trên dãy núi Andes. Đây là một trong những di sản thế giới của UNESCO. Việc phát triển du lịch ở đây đã tập trung vào việc bảo vệ kiến trúc cổ, quảng bá văn hóa Inca và duy trì môi trường xanh xung quanh.

**Đảo Galápagos, Ecuador:** Đảo Galápagos nổi tiếng với hệ sinh thái độc đáo và loài động vật hoang dã độc nhất vô nhị. Việc phát triển du lịch ở đây đi đôi với việc bảo vệ động vật và môi trường biển. Các quy định nghiêm ngặt về du lịch và giới hạn số lượng khách du lịch đã giúp duy trì sự nguyên sơ của đảo.

Ban Giám đốc Công viên Quốc gia Galapagos đã lập ra một danh sách gồm 14 quy tắc chính thức của công viên



để tất cả du khách tuân thủ. Điều quan trọng nhất trong số này là ở lại với hướng dẫn viên của bạn, đi bộ trên những con đường mòn được đánh dấu và không để lại dấu vết trên các hòn đảo. Tất cả các khách sạn và du thuyền ở Galapagos đều cung cấp nước lọc cho khách của họ. Tránh đồ nhựa và mang theo chai lọ có thể tái sử dụng để phòng bệnh và mang theo trong mỗi chuyến tham quan.

Khách du lịch phải tôn trọng các loài động vật và môi trường sống tự nhiên của chúng khi đến tham quan. Giữ khoảng cách, không sử dụng đèn flash của máy ảnh và không chạm vào hoặc cho động vật hoang dã ăn.

*Vườn quốc gia Serengeti, Tanzania:* Vườn quốc gia Serengeti là nơi diễn ra cuộc di cư hàng năm của hàng triệu con thú hoang dã. Việc phát triển du lịch ở đây đã tập trung vào việc bảo vệ động vật, duy trì hệ sinh thái và cung cấp trải nghiệm du lịch thú vị cho khách du lịch.

### 3.2. Phát triển du lịch gắn với bảo tồn di sản thiên nhiên tại Việt Nam

*Tràng An, Ninh Bình:* Việc phát triển du lịch gắn với bảo tồn di sản thiên nhiên và văn hóa đang đóng vai trò quan trọng. Quần thể danh thắng Tràng An là di sản hỗn hợp duy nhất tại Việt Nam được UNESCO ghi danh. Những năm qua, tỉnh Ninh Bình đã nỗ lực bảo tồn, phát huy di sản thế giới Tràng An, đồng thời đẩy mạnh phát triển du lịch để tạo sinh kế cho người dân.

Ngay sau khi Quần thể danh thắng Tràng An được UNESCO ghi danh, Ninh Bình đã cam kết bảo đảm tính toàn vẹn, tính xác thực và các giá trị nổi bật toàn cầu của di sản Tràng An, coi di sản là nguồn lực và động lực trong phát triển bền vững.

Theo đó, Ninh Bình đã xây dựng và tổ chức thực hiện tốt kế hoạch quản lý di sản với mục tiêu bảo đảm hài hòa giữa bảo tồn và phát triển du lịch, để di sản thực sự là tài sản của cộng đồng, do cộng đồng bảo vệ và vì sự phát triển bền vững, toàn diện của cộng đồng. Hàng năm, các cơ quan quản lý chuyên ngành tại địa phương thường xuyên tổ chức chương trình tập huấn, bồi dưỡng nâng cao sự hiểu biết, vai trò trách nhiệm của cộng đồng đối với di sản thế giới; đồng thời có cơ chế, chính sách cho người dân và doanh nghiệp phát triển kinh tế nhờ những lợi ích mà di sản mang lại. Đây là điều cần cốt để người dân tự nguyện, tự giác tham gia bảo vệ. Tràng An là điển hình tiêu biểu cho việc con người chung sống và thích ứng với tự nhiên trong nhiều năm qua.

Tỉnh Ninh Bình xác định lấy giá trị văn hóa truyền thống và cảnh quan thiên nhiên độc đáo để tạo dựng hình ảnh và thương hiệu của du lịch của Quần thể danh thắng Tràng An. Đây chính là những lợi thế để nâng cao hình ảnh, vị thế du lịch Ninh Bình trên bản đồ du lịch trong nước và quốc tế.

## 4. BẢO TỒN VÀ KHAI THÁC CÁC GIÁ TRỊ DI SẢN THIÊN NHIÊN VÀO HOẠT ĐỘNG DU LỊCH

### 4.1. Bảo tồn di sản thiên nhiên

*Tăng cường năng lực tổ chức, quản lý nhà nước đối với di sản:* Quá trình nâng cao khả năng của các cơ quan và

tổ chức nhà nước trong việc quản lý và bảo vệ di sản văn hóa và lịch sử là một quá trình quan trọng không chỉ đối với hiện tại mà còn cho tương lai của xã hội. Điều này liên quan đến việc phát triển chính sách, pháp luật và chiến lược quản lý dựa trên sự nghiên cứu và hiểu biết sâu sắc về giá trị của di sản văn hóa và lịch sử. Đồng thời, việc cải thiện năng lực của cán bộ thông qua việc đào tạo và phát triển kỹ năng chuyên môn là cần thiết để đảm bảo họ có đủ kiến thức và kỹ năng để thực thi chính sách và quản lý di sản một cách hiệu quả. Ngoài ra, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển và bảo tồn di sản thông qua việc xây dựng cơ sở hạ tầng thích hợp, quảng bá và giới thiệu di sản tới cộng đồng và du khách một cách rộng rãi. Điều này giúp thúc đẩy nhận thức và sự quan tâm đến di sản văn hóa và lịch sử, từ đó duy trì và phát triển giá trị của chúng trong lòng người dân và trên trường quốc tế.

*Xã hội hóa công tác bảo vệ, thông qua phát huy vai trò của cộng đồng địa phương:* Là quá trình đưa công tác bảo tồn di sản vào cuộc sống hàng ngày của cộng đồng, kêu gọi sự tham gia tích cực của các thành viên trong cộng đồng để bảo vệ và phát triển di sản văn hóa và lịch sử. Điều này giúp tạo ra sự ý thức cộng đồng trong việc giữ gìn và truyền lại di sản cho thế hệ sau.

*Giải quyết hài hòa giữa bảo tồn di sản thiên nhiên và phát triển kinh tế - xã hội:* Là quá trình tìm kiếm sự cân bằng giữa việc bảo vệ và bảo tồn môi trường tự nhiên, đồng thời đảm bảo rằng hoạt động kinh tế - xã hội không gây tổn hại lớn đến tự nhiên. Điều này đòi hỏi các biện pháp quản lý môi trường, sử dụng tài nguyên một cách bền vững và thúc đẩy các hành động cộng đồng và chính phủ để bảo vệ di sản thiên nhiên cho tương lai.

*Xử lý kịp thời những vi phạm trong quá trình bảo vệ, khai thác giá trị di sản thiên nhiên:* Là việc các cơ quan chức năng cần có hệ thống giám sát chặt chẽ để phát hiện và xử lý những hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến bảo vệ và khai thác di sản thiên nhiên. Điều này giúp đảm bảo rằng các biện pháp phòng ngừa và xử lý sẽ được thực hiện kịp thời và hiệu quả, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên cho tương lai.

Những biện pháp này đóng góp quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy giá trị của di sản thiên nhiên, đồng thời giúp duy trì sự cân bằng sinh thái và đa dạng sinh học của các khu vực tự nhiên quý báu.

### 4.2. Giảm tác động tiêu cực của du lịch đến môi trường di sản thiên nhiên

Để giảm các tác động tiêu cực của hoạt động du lịch, các địa phương nơi có di sản thiên nhiên cần:

*Phát triển du lịch có trách nhiệm:* Phát triển du lịch có trách nhiệm là một khái niệm quan trọng trong việc quản lý và phát triển ngành du lịch. Nó tập trung vào việc tối đa hóa lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường, đồng thời giảm thiểu các chi phí tiêu cực đối với các điểm đến. Cụ thể:

(1) *Về kinh tế:* Du lịch có trách nhiệm có thể đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế, thu nhập, việc làm, cải thiện đời sống và an sinh xã hội.



(2) *Về môi trường*: Du lịch có trách nhiệm góp phần tối ưu hóa tác động đến môi trường tự nhiên và nhân tạo, bảo vệ cảnh quan và tài nguyên thiên nhiên.

(3) *Về xã hội*: Du lịch có trách nhiệm tạo ra lợi ích cho cộng đồng địa phương, tham gia vào quyết định ảnh hưởng đến cuộc sống và cơ hội, và tôn trọng văn hóa và xã hội của điểm đến.

Như vậy, có thể thấy du lịch trách nhiệm đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự phát triển bền vững của ngành du lịch, không gây hại cho môi trường và cộng đồng địa phương. Vì vậy, du lịch có trách nhiệm không chỉ là việc thúc đẩy phát triển kinh tế, mà còn là việc đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích và BVMT cũng như văn hóa của các điểm đến.

*Lập các kế hoạch quản lý bền vững di sản thiên nhiên*: Điều này bao gồm việc kiểm soát số lượng du khách, quản lý rác thải, bảo vệ di sản thiên nhiên và văn hóa. Ngoài ra, kế hoạch quản lý bền vững cho các điểm du lịch là một chiến lược tái chế tài nguyên, bảo tồn môi trường và bảo vệ di sản văn hóa địa phương trong quá trình phát triển du lịch. Điều này bao gồm việc nhận diện và giải quyết các thách thức như quản lý chất thải, giảm ô nhiễm, bảo vệ động vật hoang dã và đảm bảo sự phát triển bền vững cho cộng đồng địa phương từ ngành Du lịch.

*Tạo ra các chiến dịch tuyên truyền và giáo dục để nâng cao nhận thức của du khách về tác động tiêu cực của du lịch và cách giảm thiểu nó*: Phương pháp này tập trung vào việc cung cấp thông tin chi tiết về các biện pháp BVMT nhằm tăng cường nhận thức của du khách về tầm quan trọng của việc BVMT. Đồng thời, phương pháp cũng khuyến khích du khách tham gia vào các hoạt động BVMT như tình nguyện dọn dẹp môi trường, tái chế, hoặc tham gia vào các chiến dịch bảo vệ động vật hoặc cây cối. Để hỗ trợ cho việc du lịch bền vững, các chương trình hướng dẫn cũng được thiết kế để giúp du khách hiểu rõ hơn về cách thức du lịch một cách bền vững, từ việc chọn phương tiện di chuyển ít gây ô nhiễm đến việc ưu tiên sử dụng sản phẩm tái chế và hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần. Đây là cách tiếp cận toàn diện giúp thúc đẩy du lịch bền vững và BVMT một cách hiệu quả.

*Khuyến khích phát triển các loại hình du lịch bền vững*: Hỗ trợ các hoạt động du lịch bền vững như du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và du lịch văn hóa. Điều này giúp du lịch phát triển mà không gây hại cho môi trường di sản và cộng đồng.

*Hợp tác đa phương trong phát triển du lịch gắn với bảo vệ môi trường tự nhiên*: Đây là việc các bên liên quan như chính phủ, doanh nghiệp du lịch, cộng đồng địa phương và các tổ chức phi chính phủ hợp tác để thúc đẩy sự phát triển bền vững trong ngành du lịch, đồng thời bảo vệ và duy trì nguồn tài nguyên thiên nhiên một cách bền vững.

Ngoài ra, để giảm thiểu các tác động tiêu cực của du lịch đến môi trường di sản thiên nhiên, các điểm đến du lịch cần khuyến khích khách du lịch có các hành vi tiêu dùng du lịch như:

*Lựa chọn đồ nhựa có thể tái sử dụng*: Các đồ nhựa dùng một lần thường chỉ được sử dụng trong vòng chưa đầy 15 phút, nhưng chúng có thể mất hơn 1.000 năm để phân hủy. Bằng cách chọn chai và túi có thể tái sử dụng, khách du lịch có thể góp phần giảm xả rác thải nhựa trong đại dương và các môi trường sống khác.

*Mua hàng địa phương*: Khi mua hàng địa phương khách du lịch không chỉ thúc đẩy nền kinh tế địa phương mà còn giúp giảm lượng khí thải các-bon do hạn chế vận chuyển hàng hóa.

*Lựa chọn nhà điều hành tour ưu tiên môi trường*: Chọn nhà điều hành tour tôn trọng văn hóa địa phương và ưu tiên sử dụng tài nguyên hiệu quả để giảm tác động đến môi trường.

*Không cho động vật ăn khi tham quan tại các Vườn quốc gia hoặc các khu bảo tồn thiên nhiên*: Chia sẻ thức ăn với động vật hoang dã hoặc đến gần chúng có thể tăng nguy cơ lây lan các bệnh. Đồng thời, việc động vật quen với việc tiếp nhận thức ăn từ khách du lịch có thể thay đổi hành vi tự nhiên của chúng và làm chúng phụ thuộc vào con người để sinh tồn.

Từ những phân tích trên cho thấy, trong bối cảnh mới hiện nay, phát triển du lịch gắn với bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc là yêu cầu cấp thiết được đặt ra để thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành du lịch nói riêng và kinh tế - xã hội nói chung. Việc bảo tồn và quản lý di sản thiên nhiên đúng cách không chỉ giữ cho cảnh quan xanh, sạch đẹp mà còn bảo vệ sinh thái, đa dạng sinh học và môi trường sống cho các loài động vật và thực vật. Đồng thời, việc giữ gìn di sản thiên nhiên cũng giữ cho văn hóa, truyền thống của địa phương trở nên độc đáo, tạo điểm nhấn cho du lịch phát triển và bảo tồn các giá trị văn hoá■

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2017), Luật Du lịch.
2. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2020), Luật BVMT.
3. <https://www.vietravel.com/vn/vong-quanh-the-gioi/costa-rica-thien-duong-du-lich-sinh-thai-v1090.aspx>
4. <https://mia.vn/cam-nang-du-lich/cong-vien-quoc-gia-yellowstone-my-15000>
5. <https://luhanhvietnam.com.vn/du-lich/huong-dan-du-lich-costa-rica.html>
6. <https://www.peru.travel/en/attractions/machu-picchu>
7. <https://luhanhvietnam.com.vn/du-lich/kinh-nghiem-du-lich-quan-dao-galapagos.html>
8. <https://altezza.travel/en/hotels/serengeti-under-canvas>
9. <https://www.traveloka.com/vi-vn/explore/destination/khu-du-lich-trang-an/182719>



# Phát triển bao bì bền vững: Hành động vì một tương lai không rác thải

*Hiện nay trên thế giới, mỗi năm, hàng triệu tấn rác thải bao bì được thải ra, chiếm một phần lớn trong tổng số rác thải đô thị, gây áp lực lớn lên hệ thống xử lý rác và các bãi chôn lấp. Quá trình sản xuất bao bì truyền thống cũng tiêu thụ một lượng lớn năng lượng và nguồn tài nguyên thiên nhiên. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu và nguồn tài nguyên thiên nhiên cạn kiệt, việc phát triển bao bì bền vững là một yêu cầu cấp thiết đối với doanh nghiệp Việt Nam. Đây cũng là nội dung được các đại biểu quan tâm tại buổi họp tham vấn triển khai kế hoạch nghiên cứu “Xây dựng tiêu chí thiết kế sinh thái, đề xuất lộ trình áp dụng thiết kế sinh thái cho bao bì của một số ngành, lĩnh vực ở Việt Nam” do Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường (ISPONRE) phối hợp với Tổ chức quốc tế về Bảo tồn thiên nhiên (WWF) Việt Nam tổ chức mới đây. Tạp chí Môi trường đã có cuộc trao đổi với bà Lê Thị Hoài Thương, Quản lý truyền thông và đối ngoại cấp cao, Công ty TNHH Nestlé Việt Nam về phát triển bao bì bền vững và giải pháp thúc đẩy thiết kế sinh thái cho bao bì đối với thực phẩm ở Việt Nam.*

**\*Thưa bà, bà có thể giới thiệu chức năng, lĩnh vực hoạt động của Công ty cũng như việc tuân thủ các quy định pháp luật hiện nay về việc phát triển các bao bì sinh thái thân thiện với môi trường?**

**Bà Lê Thị Hoài Thương:** Công ty Nestlé Việt Nam là thành viên của Tập đoàn Nestlé - Tập đoàn thực phẩm và dinh dưỡng lớn nhất trên toàn cầu - có trụ sở tại Thụy Sĩ. Trong suốt gần 30 năm thành lập và hoạt động tại Việt Nam, Nestlé Việt Nam luôn cam kết tuân thủ tốt các quy định của pháp luật đồng thời đóng góp tích cực cho sự phát triển bền vững của Việt Nam thông qua các chương trình hợp tác và các sáng kiến tạo giá trị chung, tập trung vào các trọng tâm gồm: Hành động chống biến đổi khí hậu; thu mua có trách nhiệm; bao bì bền vững; bảo tồn nguồn nước và bình đẳng giới.

Chiến lược về bao bì bền vững của chúng tôi gồm 5 trụ cột: Giảm thiểu - Tái sử dụng - Cải tiến bao bì - Tái chế - Thay đổi hành vi. Chiến lược này được xây dựng dựa trên cơ sở khoa học và khai thác các công trình nghiên cứu từ Viện Khoa học bao bì Nestlé được thành lập từ năm 2019. Viện đang giúp phát triển các thiết kế các vật liệu đóng gói đơn giản hơn hoặc thiết kế để tái chế, đồng thời phát triển các loại giấy bảo vệ hiệu suất cao cũng như vật liệu có thể phân hủy sinh học.

Việc phát triển bao bì bền vững nói chung và bao bì sinh thái thân thiện môi trường nói riêng cần một lộ trình dài hạn với sự chung tay của nhiều bên. Tại Việt Nam, Công ty Nestlé Việt Nam và Công ty LaVie Việt Nam (thành viên của Tập đoàn Nestlé) là hai trong số các thành viên sáng lập của Liên minh tái chế bao bì Việt Nam (PRO Việt Nam). Thực hiện quy định của Luật BVMT năm 2020, Công ty đã tham gia tích cực vào việc thúc đẩy thực thi có hiệu quả trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất, nhập khẩu (EPR) và phát triển KTTH. Theo đó, từ năm 2021, Công ty đã hợp tác cùng Trung tâm truyền thông TN&MT



▲ Bà Lê Thị Hoài Thương - Quản lý truyền thông và đối ngoại cấp cao, Công ty TNHH Nestlé Việt Nam

(Bộ TN&MT) triển khai chương trình truyền thông “Nói không với ống hút nhựa dùng một lần” nhằm nâng cao nhận thức về BVMT cho học sinh. Kết quả, đến cuối năm 2021, 100% sản phẩm uống liền (như MILO) của Công ty đã chuyển sang ống hút giấy có chứng chỉ FSC - chứng chỉ trồng rừng bền vững (giảm thiểu khoảng 700 tấn rác thải nhựa mỗi năm).

**\*Để hành động vì một tương lai không rác thải, Công ty đã đặt ra mục tiêu gì về giảm nhựa nguyên sinh trong sản xuất và bao bì được thiết kế có thể tái chế và tái sử dụng?**

**Bà Lê Thị Hoài Thương:** Thông qua các kế hoạch, Nestlé Việt Nam đã tập trung ưu tiên phát triển bao bì bền vững với mục tiêu trên 95% bao bì được thiết kế để tái chế, ở góc độ Tập đoàn hướng tới mục tiêu giảm 1/3 lượng nhựa nguyên sinh sử dụng trong bao bì trên toàn hệ thống sản phẩm vào năm 2025.

Công ty cũng xác định tầm nhìn là: “Sẽ không có bao bì nào, kể cả nhựa bị thải bỏ ra môi trường tự nhiên”. Để



hướng đến một tương lai không rác thải, Công ty đã thông qua các hành động cụ thể dựa trên 5 trụ cột chính: Giảm thiểu, tái sử dụng, thiết kế bền vững, tái chế, và thay đổi hành vi. Tầm nhìn này đòi hỏi, Công ty phải thay đổi trong hệ thống đóng gói và phân phối sẽ đem lại lợi ích cho cộng đồng và người tiêu dùng. Vì thế, Công ty tập trung vào 3 nhóm cam kết để hiện thực hóa tầm nhìn bao gồm: (1) Cân nhắc lại - Rethink: > 95% bao bì của chúng tôi được thiết kế để tái chế vào năm 2025; (2) Đổi mới: Cải tiến nguyên liệu mới và phát triển hệ thống giao nhận thay thế (alternative delivery systems); (3) Chuyển đổi: Hỗ trợ phát triển hệ thống thu gom, phân loại và tái chế hiệu quả. Đến 2025, giảm thiểu 1/3 lượng nhựa nguyên sinh trong bao bì.

Cùng với đó, Công ty đề ra 5 trụ cột để hiện thực hóa các mục tiêu đã đề ra: (1) Giảm thiểu: Giảm sử dụng nhựa nguyên sinh; loại bỏ bao bì không cần thiết; tăng tỉ lệ vật liệu tái chế; (2) Tái sử dụng: Tăng cường sử dụng bao bì có thể tái sử dụng; hạn chế bao bì dùng một lần; (3) Cải tiến bao bì: Tiên phong sử dụng vật liệu thay thế, công nghệ hiện đại và các giải pháp bao bì cải tiến để hỗ trợ việc tái chế & tái sử dụng bao bì sản phẩm; (4) Tái chế: Hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng để thúc đẩy hệ sinh thái phân loại, thu gom, tái chế/tái sử dụng bao bì; (5) Thay đổi hành vi: Đẩy mạnh truyền thông, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của nhân viên, đối tác và cộng đồng.

Trong quá trình phát triển, chuyển đổi bao bì bền vững, Công ty đã cải tiến thiết kế và đổi mới công nghệ sản xuất bao bì; tăng giá trị tái chế; tuân thủ các quy định; thúc đẩy truyền thông với người tiêu dùng về phương thức xử lý bao bì có trách nhiệm...

Kết quả cho đến nay, Nestlé Việt Nam là Công ty đầu tiên và duy nhất trong ngành thực phẩm chuyển đổi qua sử dụng 100% ống hút giấy (có chứng chỉ khai thác rừng

bền vững FSC) cho các sản phẩm uống liền. Công ty đã đạt tỷ lệ 50% nhựa tái chế trong chai nước khoáng Lavie. Bên cạnh đó, Công ty đã cải tiến các thiết kế, nâng cao tỷ lệ thiết kế để tái chế như chuyển đổi bao bì đa lớp sang đơn lớp, đồng thời hợp tác triển khai các chương trình truyền thông nhằm nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi.

**★ Với góc nhìn của doanh nghiệp, bà có đề xuất giải pháp gì để thúc đẩy thiết kế sinh thái cho bao bì đối với thực phẩm ở Việt Nam trong những năm tới?**

**Bà Lê Thị Hoài Thương:** Phát triển bao bì bền vững nói chung và bao bì sinh thái thân thiện môi trường nói riêng cần một lộ trình dài hạn với sự chung tay của nhiều bên. Là một doanh nghiệp tiên phong trong phát triển bao bì bền vững trong lĩnh vực thực phẩm, chúng tôi có một số kiến nghị như sau:

*Một là*, đổi mới và thiết kế đóng vai trò then chốt trong phát triển bao bì bền vững. Điều này yêu cầu sự hợp tác chặt chẽ giữa các nhà nghiên cứu, các doanh nghiệp và vai trò của cơ quan quản lý.

*Hai là*, các thiết kế bao bì sinh thái trong thực phẩm cần quan tâm các yếu tố gồm: tính hiệu quả và chức năng của bao bì, tối ưu nguồn lực và sự phù hợp với cơ sở hạ tầng quản lý rác thải, tuân thủ và phù hợp với quy định địa phương, quốc tế, đặc tính của nhãn hàng và sự quan tâm của người tiêu dùng.

*Ba là*, cần sự phát triển đồng bộ của cơ sở hạ tầng quản lý rác thải từ phân loại, thu gom và tái chế cùng với tăng cường nâng cao nhận thức về tiêu dùng bền vững.

*Bốn là*, cần có khung chính sách nhất quán và dài hạn, các tiêu chí kỹ thuật đồng bộ, cơ chế khuyến khích phát triển và sử dụng bao bì bền vững.

**★ Trân trọng cảm ơn bà!**

**CHÂU LOAN** (Thực hiện)

## Thực trạng thoái hóa đất và giải pháp phòng chống sa mạc hóa, cải thiện chất lượng đất...

(Tiếp theo trang 67)

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2024). Quyết định số 1489/2024/QĐ-BNN ngày 30/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về kiện toàn ban điều phối quốc gia thực hiện Công ước chống sa mạc hóa của Liên hợp quốc.
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (2022). Quyết định số 3048/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2023 về Phê duyệt và công bố kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2022.
- Liên hợp quốc (1992). Công ước về chống sa mạc hóa, hội nghị thường đỉnh của Liên hợp quốc về môi trường và phát

triển, Rio de Janeiro.

- Thủ tướng Chính phủ (2006). Quyết định số 204/2006/QĐ-TTg ngày 2/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hoá giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến năm 2020.
- Tổng cục Quản lý đất đai (2020). Báo cáo Tổng hợp Điều tra, đánh giá thoái hóa đất cả nước, Dự án “Tổng điều tra, đánh giá tài nguyên đất đai toàn quốc” (Hợp phần I: Điều tra, đánh giá đất đai của cả nước, các vùng kinh tế - xã hội”).